UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1930 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 12 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch và kinh phí ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm (2020-2022) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Thực hiện Công văn số 2926/BTNMT-KHTH ngày 20/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2020 – 2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 552/TTr-STNMT ngày 05/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch và kinh phí ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm (2020-2022) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La *(có Kế hoạch chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính; *(Báo cáo)*
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT , Biên KT. 50 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2020 - 2022 TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Thực hiện Công văn số 2926/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2020 - 2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2019, GIAI ĐOẠN 3 NĂM 2017 - 2019

I. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La năm 2019 và giai đoạn 3 năm 2017 - 2019

1. Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường

Việc thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường được các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và đạt được kết quả sau: Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện đã góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và cộng đồng dân cư; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch bảo vệ môi trường; môi trường đô thị, vùng nông thôn và khu dân cư tập trung đã từng bước được cải thiện.

Thực hiện lồng ghép công tác bảo vệ môi trường với chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; tỉnh Sơn La đã ban hành các văn bản cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương về cơ bản đã thực hiện đầu đủ, cụ thể như: Kế hoạch số 06/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 10/01/2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục

đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh triển khai chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về bảo vệ môi trường; Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện việc quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 ban hành hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh về phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường do thiên tai, bão lũ; Công văn số 1539/UBND-KT ngày 14/5/2019 về việc tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản năm 2019;

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các lĩnh vực như: triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; tăng cường công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; công tác thu gom, xử lý rác thải khu vực nông thôn; tuyên truyền về bảo vệ môi trường hàng năm; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường; công tác phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường giữ các ngành trong tỉnh và bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh; công tác quan trắc môi trường, báo cáo môi trường hàng năm; đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý, khắc phục các điểm nóng về ô nhiễm môi trường; tổ chức xắp xếp bộ máy về quản lý môi trường ...;

Đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Đa dạng sinh học, các Nghị quyết, quyết định của Chính phủ; sự chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương. Tổ chức triển khai thực hiện trên các lĩnh vực: ban hành văn bản chỉ đạo, thực hiện; xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về môi trường; thẩm định môi trường các dự án đầu tư; củng cố tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý môi trường cấp tỉnh, huyện; thanh kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các cơ sở chế biến cà phê; thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; phòng ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển của tỉnh; xử lý chất thải nguy hại tập trung; xây dựng quy chuẩn môi trường địa phương; biến đổi khí hậu; quan trắc môi trường hàng năm; công tác quản lý đối với chất hữu cơ khó phân hủy; bảo vệ môi trường ao hồ, kênh mương; bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo xử lý ô nhiễm môi trường đối với chế biến cà phê; bảo vệ môi trường trong phòng chống thiên tai sự cố môi trường; thu gom bao bì hóa chất bảo vệ thực vật; xử lý chất thải y tế theo cụm. Công tác quản lý môi trường về cơ bản dáp ứng được yêu cầu, góp phần tích cực phát triển bền vững của tỉnh.

2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng

2.1. Đánh giá tình hình triển khai Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường:

a. Tình hình quán triệt thực hiện chỉ thị

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã; ban hành các văn bản để triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Ngày 06/11/2016, Tỉnh ủy Sơn La đã tổ chức Hội nghị triển khai Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg. Căn cứ kết quả Hội nghị, Ban Thường vụ tỉnh ủy Sơn La đã ban hành Thông báo số 560-TB/TU ngày 7/11/2016 Kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg.

- Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 triển khai Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b. Kết quả thực hiện chỉ thị

- Tỉnh Sơn La luôn xác định Bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng và doanh nghiệp, kiên quyết không đánh đổi tăng trưởng kinh tế lấy môi trường. Vì vậy, công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư cũng như xem xét, lựa chọn và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận cam kết bảo vệ môi trường các dự án nhằm ngăn chặn, kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ phải thực hiện thẩm định công nghệ, đăng ký chuyển giao công nghệ, rà soát kiên quyết không cho phép sử dụng công nghệ trong danh mục cấm chuyển giao theo quy định của Luật khoa học Công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa như xem xét thẩm định về môi trường các dự án đầu tư kết hợp với công tác thanh kiểm tra và xử lý hành chính.

- Nhiệm vụ ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương: Hiện nay tỉnh Sơn La đang áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Sơn La đã chỉ đạo các sở, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường tỉnh Sơn La trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư: Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác thanh tra, kiểm

tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các nội dung như: tuân thủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, đăng ký hồ sơ chủ nguồn thải, hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, chế độ báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng năm ... Đặc biệt yêu cầu kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các cơ sở có lượng chất thải lớn, các cơ sở nằm ở khu vực đầu nguồn nước, các cơ sở khai thác khoáng sản. UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 01/6/2018 về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Châu, thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn; Công văn số 1539/UBND-KT ngày 14/5/2019 về tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản năm 2019.

- Đã yêu cầu tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; buộc đối tượng có quy mô xả thải lớn lắp đặt ngay các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật và đang xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Về tập trung xử lý triệt để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng luôn được UBND tỉnh Sơn La quan tâm thực hiện. Hàng năm UBND tỉnh Sơn La chỉ đạo rà soát lập hồ sơ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân Trung ương để xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, yêu cầu các đơn vị triển khai xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo tiến độ và duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 32/32 cơ sở hoàn thành các biện pháp xử lý theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có: 13 cơ sở không cần thực hiện chứng nhận *(02 cơ sở đã dừng hoạt động; 11 cơ sở đã rà soát đưa ra khỏi danh sách do quy mô công suất, lượng xả thải và mức độ ô nhiễm không thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi tường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*; 14 cơ sở đã được chứng nhận hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 05 cơ sở mới hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm, chưa nộp hồ sơ đề nghị chứng nhận *(Bệnh viện Phong và Da liễu; Bãi rác bản Khoang thành phố Sơn La và Bệnh viện Đa khoa các huyện: Yên Châu; Đa khoa Thảo Nguyên Mộc Châu, Sông Mã)*. Tỷ lệ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%.

- Về yêu cầu tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; buộc đối tượng có quy mô xả thải lớn lắp đặt ngay các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật và đang xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường: Tỉnh Sơn La hiện có 01 Khu công nghiệp đó là Khu công nghiệp Mai Sơn được đầu tư theo Quyết định số 1107/QĐ-

TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng 2020. Các cơ sở bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động gồm: Nhà máy tinh bột sắn Sơn La - Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên; Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La - Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La; Cơ sở khuyến khích lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động: Nhà máy sữa Mộc Châu - Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu; Nhà máy đường Mai Sơn - Công ty cổ phần mía đường Sơn La; cơ sở bắt buộc phải quan trắc khí thải tự động: Nhà máy xi măng Mai Sơn. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang trình UBND triển khai việc lắp đặt hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc môi trường tự động sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Về phê duyệt, rà soát phê duyệt lại theo thẩm quyền quy hoạch quản lý chất thải rắn trong năm 2017; tổ chức thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt; điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm còn tồn lưu trên địa bàn: Năm 2017, UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Trên địa bàn thành phố Sơn La hiện nay đã được đầu tư Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sử dụng phương pháp ủ sinh học làm phân Compost với công suất 80 tấn/ngày; phương pháp này thích hợp với loại chất thải rắn hữu cơ trong chất thải sinh hoạt chứa nhiều cacbonhydrat như đường, xenllulo, lignin, mỡ, protein, những chất này có thể phân huỷ đồng thời hoặc từng bước. Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh tại địa bàn các huyện được thu gom, vận chuyển về 12 bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn các huyện (01 bãi chôn lấp chưa được đưa vào sử dụng là bãi chôn lấp rác thải bản Khoang huyện Quỳnh Nhai); công tác triển khai các điểm chôn lấp, xử lý chất thải rắn đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tạo mọi nguồn lực để thực hiện;

Đánh giá việc thực hiện một số chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải mới tập trung ở đô thị, thị trấn, mở rộng các xã ven đô thị, thị trấn; chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn; ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân còn đổ rác bừa bãi, chưa có sự tham gia tích cực của cộng đồng; tiến độ đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp chất thải rắn đô thị theo tiêu chuẩn bãi chôn lấp hợp vệ sinh còn chậm (hiện nay huyện Mường La chưa có bãi chôn lấp chất rác thải).

Về tỷ lệ thu gom chất thải rắn: Ở khu vực đô thị đến thời điểm hiện tại đạt 89%; khu vực nông thôn đạt 59%.

- Về điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm còn tồn lưu trên địa bàn: theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, tỉnh Sơn La không có cơ sở trong danh mục điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

- Về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý môi trường, ưu tiên cấp huyện, xã; sử dụng nguồn sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng phụ trách công tác bảo vệ môi trường cấp xã: Toàn ngành tài nguyên và môi trường Sơn La có 663 cán bộ (cấp tỉnh 202, cấp huyện 154, cấp xã 337); trong đó: 218 cán bộ có trình độ đại học, chiếm 32,63%. Trong đó cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ môi trường là 248 người.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường đã được quan tâm chỉ đạo; với sự phối hợp của Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể, đã nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường. Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường đã được triển khai đa dạng, dưới nhiều hình thức như: Xây dựng các phóng sự tuyên truyền trên Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Dài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thành phố; viết tin bài tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường (Hội nông dân), viết tin đăng trên thông báo nội bộ (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy); Tổ chức lễ ký cam kết bảo vệ môi trường... Nội dung tuyên truyền đề cập đến nhiều vấn đề như giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, nguyên nhân, tác hại và cách phòng chống ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; phòng ngừa, bảo vệ nguồn nước sạch, biểu dương các tổ chức, cá nhân tiêu biểu về bảo vệ môi trường... Các tổ chức, doàn thể đều đã lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường vào các chương trình hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề của cơ quan, đơn vị.

2.2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03.6.2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

a. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03.6.2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường QLTN và BVMT và các văn bản có liên quan, tỉnh Sơn La đã thực hiện thể chế và ban hành các văn bản triển khai thực hiện: Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 01.8.2013 của tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 về ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường QLTN và BVMT; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 9/12/2013 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NĐ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT; Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Sơn La đến năm 2020; Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh về cập nhật, bổ sung hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2017-2020.

b. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể

b1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo về diễn biến thời tiết khí hậu, thuỷ văn phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các cấp, các ngành và người dân chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 52 trạm quan trắc khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới khí tượng thủy văn Quốc gia, trong đó 39 trạm quan trắc khí tượng thủy văn tự động *(chiếm 75%),* năm 2013 có 14 trạm, đến năm 2017 xây mới 24 trạm và được đầu tư, nâng cấp tự động hóa là 01 trạm. Ngoài ra, còn có 07 trạm KTTV tự động của 07 công trình hồ thủy điện và 02 trạm KTTV phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh; Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh; Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, sản phẩn thân thiện với môi trường; chuyển giao các sản phẩm, nhiệm vụ, chương trình, dề án dã hoàn thành; thực hiện chương trình nâng cấp, đảm bảo an toàn các hồ chứa nước: đầu tư nâng cấp, sửa chữa 10 hồ nhằm đảm bảo an toàn công trình, bảo đảm cấp nước, phòng chống lũ, duy trì môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu nước ngày càng tăng do phát triển dân sinh, kinh tế và thích nghi với biến đổi khí hậu; triển khai dự án nâng cấp sửa chữa cụm các công trình hồ chứa gồm 8 công trình được đầu tư bằng nguồn vốn thuộc chương trình W8.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái

Tổ chức lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, hoàn thiện và tăng cường thể chế; thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng; dẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng; khuyến khích người dân áp dụng các công nghệ thích hợp để giảm khí thải nhà kính từ việc sử dụng nhiên liệu.

b2. Về Quản lý tài nguyên

- Đối với tài nguyên đất

Công tác quy hoạch sử dụng đất đã được quan tâm, chú trọng; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu tỉnh Sơn La đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 09/3/2013; về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Sơn La đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 64/NQ-

CP ngày 17/5/2018 là cơ sở cho các cấp, ngành triển khai thực hiện, đưa đất vào sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- Đối với tài nguyên nước

Trong giai đoạn 2013-2018, đã ban hành các Quy hoạch trong lĩnh vực tài nguyên nước làm cơ sở cho công tác quản lý, xây dựng, đề xuất các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước với mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hài hòa đảm bảo phù hợp với trữ lượng, chất lượng nguồn nước hiện có; khai thác đi đôi với bảo vệ, phát triển nguồn tài nguyên nước đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai: Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tài nguyên nước *(nội dung bảo vệ tài nguyên nước)* tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai thực hiện tốt việc tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để quản lý và bảo vệ tài nguyên nước; tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn đầu tư trở lại cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên nước tại địa phương.

- Đối với tài nguyên khoáng sản

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về xây dựng Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh *(thay thế Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh)*, trong đó quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, đặc biệt là cấp xã, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp với địa phương liên quan khu vực giáp ranh; hiện nay, các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh cơ bản đã chấp hành các quy định pháp luật trong khai thác khoáng sản; ưu tiên lựa chọn thiết bị, công nghệ mới theo hướng sản xuất sạch, nâng cao tối đa mức độ cơ giới hóa các khâu sản xuất; coi trọng và đẩy mạnh áp dụng các giải pháp sản xuất sạch để nâng cao hiệu quả và giảm ô nhiễm môi trường.

2.3. Đánh giá thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 thực hiện Nghị quyết số 35/NĐ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách về bảo vệ môi trường, kết quả triển khai như sau:

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trong hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản (thực hiện hàng năm): Năm 2017 đã tiến hành 12 cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường trong đó tổng số các cơ sở được kiểm tra là trên 80 cơ sở, trong đó các cơ sở khai thác khoáng sản là 13 cơ sở; tiến hành kiểm tra đối với các cơ sở chế biến cà phê gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, huyện Thuận Châu, Mai Sơn; ban hành Quyết định đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường do phát sinh nước thải sơ chế cà phê chưa qua xử lý đối với 37 cơ sở *(06 cơ sở tập trung và 31 cơ sở nhỏ lẻ)*; đã lập hồ sơ xử lý vi phạm đối với 05 cơ sở sơ chế, chế biến cà phê tập trung. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện

các vi phạm chủ yếu đó là: Không có hồ sơ, thủ tục về môi trường; không xây dựng công trình xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường; không đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại...;

Năm 2018 đã tiến hành kiểm tra với 10 cơ sở, trong đó tập trung vào các cơ sở gây ô nhiễm như: các cơ sở chăn nuôi tập trung, chế biến tinh bột sắn, chế biến cà phê. Sau các đợt thanh kiểm tra đều ban hành kết luận kiểm tra và văn bản đôn đốc khắc phục;

6 tháng đầu năm 2019 đã triển khai kiểm tra rà soát đối với 65 nhà máy thủy điện trong đó có nội dung chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kết quả cho thấy: Đối với 47 dự án đã hoàn thành, đi vào phát điện đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, có 03/47 dự án đã thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường 04 lần/ năm *(thủy điện Suối Lừm 1, thủy điện Nậm Chim 2, thủy điện Xím Vàng 2)*; 44/47 dự án chưa thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường theo đúng tần suất quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *(các dự án được phê duyệt Báo cáo ĐTM tần suất tối thiểu 04 lần/năm; các dự án được xác nhận Cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường tần suất tối thiểu 02 lần/ năm).* Nguyên nhân: do các chủ dự án chưa cập nhật được quy định mới tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT *(hoặc cố tình không triển khai thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường như thủy điện Nậm Bú).* Đa số các chủ dự án đã đăng ký và được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH *(dự án thủy điện Nậm Bú đã được kiểm tra, đôn đốc nhiều lần nhưng cố tình không thực hiện).* Tuy nhiên việc quản lý chất thải nguy hại phát sinh chưa đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT. Chất thải nguy hại phát sinh thường được lưu giữ trong khuôn viên nhà máy, chưa có kho lưu trữ riêng. Quá trình kiểm tra đã yêu cầu các chủ dự án xây dựng kho lưu giữ CTNH, tiến hành lưu giữ CTNH và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định; *Đối với 11 dự án đang triển khai thi công xây dựng:* 10/11 dự án đã được phê duyệt Báo cáo ĐTM *(Riêng đối với dự án thủy điện Nậm Trai 3 chưa được phê duyệt Báo cáo ĐTM, đã dừng thi công xây dựng từ năm 2012).* 10/11 dự án không thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường trong thời gian thi công xây dựng. 01/11 dự án đã thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường nhưng không đảm bảo tần suất theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT *(thủy điện Nậm Hóa 1); Đối với 07 dự án đang chuẩn bị triển khai thi công:* 4/07 dự án đã được phê duyệt Báo cáo ĐTM; Còn lại đối với 03 dự án chưa được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Bó Sinh, Quang Huy, Mường Lầm*), trong đó dự án thủy điện Bó Sinh đã khởi công xây dựng, chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM. Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai 5 cuộc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với 17 tổ chức trên địa bàn tỉnh, tập chung chủ yếu vào các lĩnh vực khai thác khoáng sản, chăn nuôi, chế biến nông sản, thủy điện.Các sai phạm chủ yếu được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra gồm: thực hiện giám sát môi trường xung quanh không đúng, không đầy đủ; thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê

duyệt; không có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định; Chôn, lấp, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường. Qua thanh tra, kiểm tra đã ban hành 65 quyết định xử lý vi phạm hành chính với tổng số tiền 1.728.500.000 đồng (Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 6 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 6 tổ chức vi phạm với số tiền 315.000.000 đồng; Phòng PC05 Công an tỉnh đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 30 cá nhân với số tiền 248 triệu đồng; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định xử phạt đối với 3 tổ chức với số tiền 1.250.000.000 đồng; Ở cấp huyện 26 quyết định xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm với tổng số tiền 115.500.000 đồng).

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Nhằm tăng cường, nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 04/TB-UBND ngày 12/01/2018 thông báo kết luận Hội nghị triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2018, theo đó đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố: Tập trung nâng cao chất lượng, khắc phục ngay các hạn chế trong công tác lập, thẩm định, triển khai thực hiện, hậu kiểm việc thực hiện báo cáo ĐTM, KHBVMT của các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 188/KH-STNMT ngày 19/3/2018 kế hoạch nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung vào các nội dung: Nâng cao chất lượng thành viên tham gia hội đồng thẩm định; nâng cao chất lượng thẩm định của các thành viên hội đồng và chất lượng của Báo cáo đánh giá tác động môi trường, quy định tiêu chuẩn của ủy viên hội đồng phải là chuyên gia về lĩnh vực môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn liên quan đến dự án; phải có thời gian công tác đảm bảo 3 năm kinh nghiệm trở lên đối với trình độ đại học, 1 năm trở lên đối với tiến sỹ; đòi hỏi các thành viên hội đồng phải nghiên cứu kỹ về tài liệu, hồ sơ dự án, đảm bảo chất lượng của báo cáo khi được thông qua.

- Chỉ đạo UBND các huyện, xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ, bản xây dựng hương ước, quy ước gắn với bảo vệ môi trường: đã phối hợp cùng các phòng Tài nguyên môi trường, UBND các huyện tổ chức triển khai, quán triệt Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường cho các cán bộ UBND cấp xã, phường và các Trưởng bản trên địa bàn các huyện; đã ban hành sổ tay hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý rác thải tại khu vực nông thôn.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, thân thiện môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện phổ biến, quán triệt, tổ chức triển khai nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành tới các đơn vị trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức của ngành, đơn vị các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2.4. Tình hình triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

- Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực bị ô nhiễm môi trường:

Xác định bảo vệ môi trường là nội dung phải được quan tâm và kết hợp hài hòa với phát triển kinh tế, tỉnh Sơn La luôn chú trọng trong việc đảm bảo phát triển kinh tế nhưng không thể tách rời với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư cũng như xem xét, lựa chọn và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường luôn được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện hạn chế, hướng tới loại bỏ các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; dần hạn chế, tiến tới không cấp phép đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với các loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt tại các khu vực tập trung dân cư, các lưu vực sông, khu vực nhạy cảm, vùng ưu tiên cần phải bảo vệ; chú trọng phát triển các ngành kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

Các mô hình sinh thái, du lịch cộng đồng, kết hợp phát triển kinh tế với phát triển du lịch, đồng thời hạn chế phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản tại các khu vực có tiềm năng du lịch nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức thực hiện Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; từng bước xây dựng, hình thành thói quen tiêu dùng thân thiện môi trường; mở rộng và tiếp tục thực hiện việc dán nhãn sinh thái cho một số loại hình sản phẩm dịch vụ. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch 203/KH-UBND ngày 29/11/2018 tổ chức các thực hiện các phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn toàn tỉnh yêu cầu các cấp, ngành địa phương thực hiện các hoạt động thiết thực tiến tới hình thành thói quen hạn chế sử dụng các vật liệu khó phân hủy như túi nilon, vật liệu làm từ nhựa.

- Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm tại nguồn:

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường luôn được tỉnh quan tâm, chú trọng và được duy trì thực hiện thường xuyên; việc xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được nghiêm túc triển khai thực hiện, đến nay trên địa bàn tỉnh 100% cơ sở trong danh mục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành đầu tư hệ thống xử lý chất thải.

- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng về môi trường:

Các dự án đầu tư xây dựng mới các công trình cung cấp nước sạch khu vực nông thôn, đầu tư thu gom, xử lý rác thải, khu vực nông thôn đã được quan tâm triển khai thực hiện; công tác quy hoạch, lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại IV trở lên đang được thực hiện; các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh được đảm bảo kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên.

- Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên:

Công tác lập quy hoạch: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu tỉnh Sơn La đã được Chính phủ xét duyệt; các quy hoạch về tài nguyên nước đã được thông qua: Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tài nguyên nước *(nội dung bảo vệ tài nguyên nước)* tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt. Các hoạt động cấp phép, thanh tra, kiểm tra về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản được duy trì thường xuyên nhằm ngăn chặn tình trạng khai thác, sử dụng trái phép, lãng phí thất thoát tài nguyên thiên nhiên.

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã được HĐND tỉnh thông qua; các hệ sinh thái quan trọng trên địa bàn tỉnh được khoanh nuôi trong các khu bảo tồn; quy hoạch chi tiết các khu bảo tồn đã được triển khai; thực hiện 01 dự án điều tra, thu thập bổ sung đa dạng sinh học tại các xã Mường Lang, Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 52 trạm quan trắc khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới khí tượng thủy văn Quốc gia, trong đó 39 trạm quan trắc khí tượng thủy văn tự động phục vụ cho việc dự báo, cảnh báo về diễn biến thời tiết khí hậu, thuỷ văn phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các cấp, các ngành và người dân chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH,bằng nhiều nguồn vốn khác nhau đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa lớn nhằm đảm bảo an toàn công trình, bảo đảm cấp nước, phòng chống lũ, duy trì môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu nước ngày càng tăng do phát triển dân sinh, kinh tế và thích nghi với biến đổi khí hậu. Các dự án trồng rừng tập trung; khoanh nuôi tái sinh; bảo vệ rừng được tăng cường thực hiện nhằm nâng tỷ lệ che phủ rừng làm giảm tỷ lệ phát thải khí nhà kính.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, sâu rộng tới quần chúng nhân dân, các sự kiện như ngày môi trường thế giới, quốc tế đa dạng sinh học, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... luôn được tổ chức phát động với sự tham gia của đông đảo cán bộ, học sinh, quần chúng nhân dân, thể hiện bằng các hoạt động thiết thực như trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, nơi làm việc, khơi thông cống rãnh... tạo cảnh quan thoáng mát, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ cho bảo vệ môi trường

Các đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường đã được triển khai và thực hiện rộng rãi như xử lý chất thải nông nghiệp, chăn nuôi làm phân bón; các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ

tiến tiến trong sản xuất; sử dụng các chế phẩm sinh học trong khử mùi tại các khu chôn lấp rác thải; các lò đốt rác, hệ thống xử lý nước thải tiên tiến, hiện đại được xây dựng góp phần đáng kể vào xử lý chất thải y tế, nước thải bệnh viện và nước thải từ các nhà máy sản xuất.

2.5. Đánh giá các chỉ tiêu về môi trường

Kết quả cụ thể các chỉ tiêu về môi trường được thể hiện tại Phụ lục 1.

Các chỉ tiêu chính dự kiến đạt được năm 2019: Đến thời điểm báo cáo, các tỷ lệ đạt được như sau: Tỷ lệ che phủ rừng: 44,5%; Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 94%; Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đô thị: 92,5%; Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 0% (tỉnh Sơn La chưa có KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải); Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 100%; Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom: 89%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý: 100%; Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn đạt tiêu chuẩn: 0%.

Trong các chỉ tiêu về môi trường có tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là chưa thực hiện được do khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh mới đi vào hoạt động, chưa hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung; chỉ tiêu tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn đạt tiêu chuẩn chưa thực hiện được do đến đầu năm 2020 dự án đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La và dự án cấp, thoát nước Mộc Châu mới hoàn thành và đi vào hoạt động.

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện chỉ thị 27/CT-TTg ngày 17/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Đến thời điểm báo cáo, qua rà soát trên địa bàn tỉnh không có tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu phế liệu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

3. Đánh giá tình hình triển khai các Quyết định của Thủ tướng chính phủ

3.1. Tình hình triển khai Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 05 cơ sở, trong đó: 02 cơ sở đã dừng hoạt động (nhà máy giấy Craft Mai Sơn, Nhà máy xi măng Chiềng Sinh); 03/03 cơ sở còn lại đã được chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để (Công ty Mía Đường Sơn La; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Sơn La); Tiến độ xử lý: 03/03 cơ sở được xác nhận hoàn thành xử lý triệt để lý chậm so với thời gian quy định tại Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Tiến độ xử lý của các cơ sở có tên tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh có 24 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (phải xử lý trong giai đoạn 2013-2014, 13 cơ sở; Phải xử lý trong giai đoạn 2013-2017: 11 cơ sở) tiến độ xử lý cụ thể như sau:

- Thời hạn xử lý trong năm 2013-2014, có 13 cơ sở gồm: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La, Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La; Trung tâm giáo dục lao động thành phố Sơn La; Trung tâm giáo dục lao động các huyện: Mai Sơn, Bắc Yên, Phù Yên, Mộc Châu, Thuận Châu, Mường La, Sông Mã, Yên Châu, Sốp Cộp, Quỳnh Nhai. Trong năm 2013, đã rà soát và đưa ra khỏi danh sách 11/13 cơ sở (trung tâm Giáo dục lao động các huyện thành phố tại Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 09/9/2013, lý do: 11 cơ sở trên có quy mô công suất, lượng xả thải và mức độ ô nhiễm không thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi tường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); 02/13 cơ sở còn lại đã được chứng nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm trọng năm 2018. Tiến độ xử lý chậm so với yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg.

- Thời hạn xử lý 2013 – 2017: 11 cơ sở (Bệnh viện đa khoa các huyện: Phù Yên, Yên Châu, Thảo Nguyên Mộc Châu, Mai Sơn, Mộc Châu, Bắc Yên, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Sông Mã, Sốp Cộp, Mường La); 11/11 cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý; 08/11 cơ sở đã được chứng nhận. Còn 03 cơ sở đang hoàn thiện hồ sơ chứng nhận (bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, Yên Châu và bệnh viện đa khoa Thảo nguyên Mộc Châu).

3.3. Theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 phê duyệt kế hoạch xử lý phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước

Trên địa bàn tỉnh không có điểm, khu vực bị ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật.

Để phòng ngừa ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND phê duyệt đề án thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 ban hành hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; triển khai xây dựng các bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (đến hết năm 2018 đã xây dựng được 1.050 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật).

3.4. Theo Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 03/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020

Tiến độ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã được đánh giá tại mục 3.2.

3.5. Đánh giá tình hình triển khai Quyết định 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

Để phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải, tỉnh luôn chú trọng lựa chọn, ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất, xử lý khí thải tiến tiến, hạn chế các lĩnh vực sản xuất có phát sinh nhiều khí thải độc hại, các công nghệ, máy móc thiết bị lạc hậu nhằm kiểm soát tốt môi trường không khí. Đưa nội dung quan trắc môi trường không khí vào chương trình quan trắc môi trường hàng năm của tỉnh nhằm dự báo, đánh giá, kịp thời cảnh báo và đưa ra giải pháp xử lý đối với các khu vực, các vùng có biểu hiện bị ô nhiễm môi trường không khí. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong vấn đề phát thải khí thải được thực hiện thường xuyên. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý chất lượng không khí được quan tâm thực hiện; các kết quả quan trắc môi trường không khí trong chương trình quan trắc môi trường tỉnh được công bố công khai, rộng rãi.

Đánh giá chung: Môi trường không khí trên địa bàn tỉnh chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Chỉ có một số địa điểm cục bộ xảy ra tình trạng nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường do tập trung mật độ thi công xây dựng các công trình hạ tầng, các khu vực khai thác khoáng sản...

3.6. Theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Hệ thống quản lý nhà nước về đa dạng sinh học đã được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cấp xã, cụ thể như sau:

- Đã kiện toàn: 12 Ban chỉ đạo bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện; 202 Ban chỉ đạo bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã, phường, thị trấn; củng cố, kiện toàn và thành lập 2.789 tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Trên địa bàn tỉnh có 15 hạt kiểm lâm (*12 hạt kiểm lâm huyện và 03 hạt kiểm lâm rừng đặc dụng*), 01 ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, 02 ban quản lý rừng đặc dụng và 02 ban quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ với 356 cán bộ công chức, viên chức thực hiện công tác bảo vệ rừng và đa dạng sinh học.

- Có khoảng 200 công chức địa chính môi trường cấp xã thực hiện kiêm nhiệm công tác quản lý nhà nước ở cấp cơ sở về đa dạng sinh học.

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được thông qua tại Nghị Quyết số 79/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh và đã được công bố tại Quyết định 2125/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Sơn La.

- Về đa dạng hệ sinh thái: tỉnh Sơn La có 02 dạng hệ sinh thái đặc trưng:

+ Hệ sinh thái rừng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 614.577 ha rừng gồm các dạng hệ sinh thái rừng tự nhiên *(trên đồi núi đá vôi, trên đồi đất)*, hệ sinh thái rừng trồng.

+ Hệ sinh thái đất ngập nước: Theo Quyết định số 341/QĐ-STNMT ngày 23/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn tỉnh Sơn La có hơn 1.587.800 ha.

- Về các khu bảo tồn thiên nhiên: Theo Quyết định 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La, tổng diện tích đất quy hoạch rừng đặc dụng là 87.852 ha, bao gồm 02 Khu rừng đặc dụng *(Khu rừng đặc dụng Xuân Nha trên địa bàn huyện Mộc Châu, Vân Hồ và Khu rừng đặc dụng Tà Xùa trên địa bàn huyện Phù Yên, Bắc Yên)*; 02 Khu rừng đặc dụng - phòng hộ (*Khu rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp trên địa bàn huyện Sốp Cộp, Sông Mã và Khu rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu trên địa bàn huyện Thuận Châu*) và Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường La (*trên địa bàn huyện Mường La*).

- Về hành lang đa dạng sinh học: Trong quá trình lập quy hoạch các khu bảo tồn đã thiết lập hành lang đa dạng sinh học trong nội bộ để đảm bảo các loài sinh vật sống trong các vùng sinh thái của cùng một khu bảo tồn có thể liên hệ với nhau.

- Về đa dạng loài: Theo kết quả điều tra khảo sát của dự án Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, trên địa bàn tỉnh có số lượng loài sinh vật khá đa dạng, cụ thể như sau:

+ Về thực vật: có 1796 loài thuộc 204 họ nằm trong 5 ngành thực vật bậc cao, trong tổng số 204 họ có trên 50 họ chỉ có một loài, 42 họ có 3 loài, 53 họ có từ 4-9 loài, 25 họ có từ 10-19 loài và 17 họ có trên 20 loài, trong đó có 1000 loài cây có ích. Trong tổng số 1796 loài có: 89 loài thực vật thủy sinh, 147 loài thực vật nổi, còn lại là các loài thực vật cạn.

+ Về động vật: có 1117 loài côn trùng thuộc 139 họ, 11 bộ, trong đó có 241 loài côn trùng quý hiếm; có 329 loài chim thuộc 52 họ, 16 bộ *(gồm cả các loại gia cầm nuôi trong các khu dân cư)*, trong đó có 15 loài quý hiếm cần được bảo tồn; có 141 loài thú thuộc 31 họ, 12 bộ *(bao gồm các loài tự nhiên hoang dã và vật nuôi)*, trong đó có 40 loài quý hiếm cần được bảo tồn; có 122 loài bò sát – lưỡng cư *(bao gồm các loài tự nhiên hoang dã và vật nuôi)*, trong đó có 72 loài thuộc 16 họ thuộc 2 bộ có vảy, 50 loài trong 5 họ thuộc bộ có đuôi và không đuôi, có 26 loài bò sát lưỡng cư quý hiếm; có 391 loài động vật thủy sinh, trong đó có: 79 loài động vật nổi, có 50 loài động vật đáy, 105 loài côn trùng nước, 157 loài cá *(có 09 loài cá quý hiếm)*.

- Về đa dạng nguồn gen: tỉnh Sơn La có khá nhiều các giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản quý hiếm đặc hữu đang được nghiên cứu phục tráng bảo tồn, bao gồm: Các giống lúa nước: tan nhe, tan hin, tan lo, tan lanh, săm ba tong, I1, nếp tan Mường Và; Các giống lúa cạn: nếp con giòi, nếp đuôi trâu, nếp viêng, nếp cẩm; Các giống ngô: ngô nếp mỡ gà, ngô H'mông; Giống khoai sọ Cù Cang; Các giống cây ăn quả: quýt ngọt, đào mèo, xoài trứng Yên Châu, cam Mường Và; Giống rau cải H'mông; các giống cây công nghiệp: chè san bản địa, cà phê Tirica, bông vải màu; Các giống vật nuôi: bò u địa phương, trâu ngố, lợn địa phương 6 điểm trắng, gà H'mông, gà đen Sam Kha, gà trc, ngỗng cỏ, ngan dé, vịt Mường Khiêng, vịt Mường Chanh, trâu đen Mường Lạn; Các giống cá: cá sinh, cá nền, cá lăng, cá nheo.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2017 và năm 2018

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017 và năm 2018 và ước thực hiện năm 2019

2.1. Tình hình thu, chi ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017 và năm 2018

2.1.1. Năm 2017:

a) Thu ngân sách

- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 3.500 triệu đồng;

- Thu ngân sách đối với phí nước thải công nghiệp: 35 triệu đồng;

- Thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 270 triệu đồng;

- Thuế, phí bảo vệ môi trường khác: 10.000 triệu đồng.

b) Chi ngân sách sự nghiệp môi trường

- Tổng kinh phí dự kiến kế hoạch: 115.576,0 triệu đồng *(trong đó ngân sách địa phương 95.576 triệu đồng, ngân sách Trung ương 20.000 triệu đồng).*

- Tổng kinh phí giao và thực hiện 91.954 triệu đồng.

2.1.2. Năm 2018:

a) Thu ngân sách

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 4.000 triệu đồng;

- Phí nước thải công nghiệp: 109 triệu đồng;

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 510.triệu đồng;

- Thuế, phí bảo vệ môi trường khác: 10.000 triệu đồng.

b) Chi ngân sách sự nghiệp môi trường

- Tổng kinh phí dự kiến kế hoạch: 108.524,0 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giao và thực hiện 55.676 triệu đồng.

2.1.3. Năm 2019:

a) Thu ngân sách

- Đến thời điểm báo cáo

+ Phí nước thải công nghiệp: 83 triệu đồng;

+ Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 168 triệu đồng;

- Ước Thu ngân sách năm 2019

- Phí nước thải công nghiệp: 150 triệu đồng;

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 300 triệu đồng;

- Thuế, phí bảo vệ môi trường khác: 10.000 triệu đồng.

b) Chi ngân sách sự nghiệp môi trường

- Tổng kinh phí dự kiến kế hoạch: 97.410,0 triệu đồng, trong đó: Chi các nhiệm vụ chuyên môn: 8.706,0 triệu đồng; Chi các nhiệm vụ thường xuyên: 12.895,0 triệu đồng; Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường: 63.809,0 triệu đồng; dự phòng: 12.000 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giao và ước thực hiện 17.048 triệu đồng.

2.2. Đánh giá việc thực hiện kinh phí năm 2019

2.2.1. Các dự án đã hoàn thành

Dự án quan trắc môi trường tỉnh năm 2019; Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải lỏng bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã; Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn bệnh viện phong và da liễu; Dự án xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu.

2.2.2. Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí kinh phí:

Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải thải và chất thải rắn Bệnh viện tâm thần: đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa bố trí kinh phí 3.003 triệu đồng;

2.2.3. Các dự án, nhiệm vụ dang triển khai thực hiện

Nhiệm vụ xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030; xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BDDKH tỉnh Sơn La; Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La; nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn đối với nước thải hoạt động chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh; Đề án phân loại rác thải tại nguồn tại thành phố Sơn La; dự án điều tra, thống kê toàn bộ nguồn thải trên địa bàn tỉnh năm 2019.

(đánh giá chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).

2. Đánh giá kết quả đạt được và các tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường

2.1. Các kết quả đạt được

- Kinh phí hỗ trợ, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được quan tâm thực hiện. Đến thời điểm báo cáo 32/32 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, trong đó 27/32 cơ sở đã được xác nhận hoặc loại ra khỏi danh mục, hiện chỉ còn 5/32 cơ sở chưa được xác nhận.

- Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường được nâng cao chất lượng, hiệu quả. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cán bộ có trình độ chuyên môn, giữ chức vụ lãnh đạo của các sở ngành. Thực hiện công bố, cải cách thủ tục hành chính về môi trường, rút ngắn thời gian thẩm định, nâng cao chất lượng thẩm định.

- Hoạt động quan trắc môi trường tỉnh, quan trắc môi trường nước các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường được chỉ đạo, triển khai kịp thời.

2.2. Các tồn tại hạn chế

- Trong giai đoạn 2017-2019 công tác kiểm tra đối với các cơ sở chăn nuôi, chế biến cà phê, dong sắn đã được tích cực triển khai. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, gây mất nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sơn La do hoạt động chế biến cà phê.

- Việc kiểm tra, hậu kiểm, xử lý kịp thời, kiêm quyết các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế. Việc xử phạt hành chính các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn yếu kém.

- Công tác bảo vệ môi trường khu vực nông thôn còn hạn chế, chưa thực hiện được các giải pháp hữu hiệu để nâng cao bảo vệ môi trường khu vực nông thôn như công tác thu gom rác thải trong khu vực nông thôn; xã hội hóa bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; thu gom, xử lý triệt để bao bì hóa chất bảo vệ thực vật khu vực nông thôn.

- Vẫn còn xảy ra nhiều bức xúc do ô nhiễm môi trường như ô nhiễm nguồn nước cấp sinh hoạt; ô nhiễm do bụi khu vực thành phố Sơn La từ hoạt động thi công các dự án trong khu vực nội thị.

- Việc ứng phó sự cố môi trường về thiên tai, bão lũ và các sự cố ô nhiễm nghồn nước triển khai còn chậm kịp thời.

2.3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường

2.3.1. Thuận lợi

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh năm 2019 về cơ bản đáp ứng được tiến độ đề ra. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; rà soát, hỗ trợ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tổ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện đồng bộ.

2.3.2. Những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai

- Mức chi sự nghiệp cho môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Nhiều nhiệm vụ, dự án đưa vào kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm nhưng chưa cân đối được kinh phí thực hiện dẫn đến tỷ lệ thực hiện kinh phí so với dự toán còn thấp;

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ, dự án để giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc theo lĩnh vực, địa bàn quản lý, chưa thực hiện đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã có trong kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh hàng năm dẫn đến việc đánh giá chung về kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm gặp nhiều khó khăn; nhiều nhiệm vụ được đề xuất còn chưa sát với mục tiêu, nội dung bảo vệ môi trường nên không thể tổng hợp, đưa vào kế hoạch để thực hiện.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành trong triển khai các dự án còn hạn chế, tiến độ triển khai phân bổ nguồn vốn thực hiện một số nhiệm vụ bảo vệ môi trường chậm, một số nhiệm vụ đã hoàn thành, đưa vào sử dụng nhưng chậm được giải ngân.

- Việc xây dựng kế hoạch còn chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa cân đối giữa khu vực đô thị và nông thôn, vấn đề xử lý rác thải nông thôn chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho cấp huyện, xã còn hạn hẹp, chủ yếu mới giới hạn ở các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường mà chưa có nhiều chương trình, dự án xử lý ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn được triển khai thực hiện.

Nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc:

- Nguyên nhân khách quan: Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên việc bố trí kinh phí để thực hiện theo kế hoạch hàng năm còn hạn chế; có nhiều dự án do không cân đối được kinh phí nên chưa triển khai thực hiện được.

- Nguyên nhân chủ quan: Trong thời gian qua, công tác chỉ đạo thực hiện triển khai các nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa thực sự sát sao.

Công tác đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch bảo vệ môi trường chưa được thực hiện đầy đủ.

Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc thực hiện triển khai theo kế hoạch đã ban hành.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2020-2022 TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hỗ trợ xử lý các điểm gây bức xúc môi trường ở địa phương

- Duy trì hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường của các dự án đã được đầu tư đảm bảo vận hành có hiệu quả, xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, chất thải rắn phát sinh.

- Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường đặc biệt là ô nhiễm bụi, khí thải khi triển khai thi công dự án trong khu vực đô thị, khu dân cư.

- Triển khai thực hiện các dự án phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị và nông thôn theo hướng giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng rác thải.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra để phát hiện, xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, các cơ sở chế biến nông sản, trong hoạt động khai thác khoáng sản... Nâng cao chất lượng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường đặc biệt là các cơ sở phát sinh chất thải lớn, yêu cầu các cơ sở đầu tư, hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý dứt điểm ô nhiễm nguồn nước cấp sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sơn La, Thuận Châu, Mai Sơn do sản xuất, chế biến cà phê bằng phương pháp ướt.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Bố trí kinh phí đáp ứng yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, tập trung chính vào các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các cơ sở chế biến cà phê khu vực đầu nguồn nước.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để.

- Tiếp tục duy trì hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sơn La, Thuận Châu và huyện Mai Sơn. Phổ biến, hướng dẫn các cơ sở sơ chế, chế biến cà phê áp dụng các biện pháp xử lý nước thải, chất thải cà phê theo hướng tái sử dụng làm phân bón và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức triển khai thí điểm, lộ trình xã hội hóa công tác xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất và quan tâm đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường, công nghệ xử lý môi trường phù hợp trong khu vực nông thôn và nông nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu thẩm định dự án đầu tư, kiên quyết từ chối các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, phát sinh nhiều chất thải, các dự án có hệ thống xử lý môi trường không đảm bảo.

- Duy trì hoạt động quan trắc môi trường tỉnh để kịp thời phát hiện, cảnh báo và có biện pháp xử lý đối với các nguy cơ, tiềm ẩn về môi trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở chế biến cà phê, các cơ sở có phát sinh nước thải nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3. Quản lý chất thải

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Sơn La đến năm 2020. Trong đó tập trung vào việc quy hoạch khu chôn lấp xử lý tại các thị trấn, thị tứ, trung tâm xã; quy hoạch khu xử lý chất thải nguy hại; áp dụng thử nghiệm mô hình xử lý chất thải rắn bằng phương pháp đốt, đánh giá tính hiệu quả của phương án và tổ chức nhân rộng mô hình.

- Hỗ trợ vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; vận hành lò đốt và hệ thống xử lý chất thải y tế; vận hành hệ thống chôn lấp chất thải hợp vệ sinh; xử lý chất thải nguy hại.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhin đến năm 2050. Trong đó tập trung: ban hành và điều chỉnh kế hoạch; phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn, trong đó chú ý đến chất thải nguy hại; huy động nguồn lực xã hội tham gia; xây dựng và ban hành đơn giá xử lý phù hợp; phát triển các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn; chỉ đạo, hướng dẫn, quy định về phân loại rác thải tại nguồn; tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Thu gom và xử lý 100% chất thải rắn y tế phát sinh; thu hút đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải nguy hại tập trung.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học

Tổ chức triển khai Nghị Quyết 79/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La và tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định 3584/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Sơn La đến năm 2020, Quyết định 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 UBND tỉnh Sơn La phê duyệt kết quả dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng 2017-2025 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Sơn La. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ: Quy hoạch diện tích đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh, các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, vườn thực nghiệm; Điều tra, thu thập bổ sung thông tin đa dạng sinh học; triển khai mô hình quản lý rừng bền vững; điều đánh giá, thử nghiệm và xây dựng cơ sở dữ liệu cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật quý hiếm; điều tra, đánh giá các sinh vật, vi sinh vật ngoại lai trên với mục tiêu quản lý bền vững hệ thống rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo vệ, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn gien động, thực vật rừng đặc hữu, quý hiếm nhằm phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, giá trị của rừng.

5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

- Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, nhằm đảm bảo năng lực quản lý trong ứng phó các vấn đề môi trường hiện nay; đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng theo quy định của Thông tư 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước cho Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc: bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường để thu thập, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin tài nguyên môi trường; kiện toàn Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; phối hợp giữ các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể chính trị, cơ quan truyền thông đại chúng; tổ chức thường xuyên các hoạt động bảo vệ môi trường; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường Thế giới, Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn.

- Xây dựng mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường như hương ước, quy ước bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư, bản, tổ dân phố.

- Từng bước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tăng cường xây dựng và nhân rộng các mô hình, ưu tiên kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác truyền thông giáo dục môi trường.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường

Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 UBND tỉnh triển khai Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

- Bảo vệ môi trường nông thôn và nông nghiệp: nâng cao độ che phủ rừng, thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường trong canh tác trên đất dốc;

- Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp: xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm do xả nước thải tại các cơ sở chế biến; tăng cường quản lý đối với các nhà máy thủy điện, cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng;

- Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đô thị: tăng cường năng lực, hỗ trợ vận hành hệ thống: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; vận hành lò đốt và hệ thống xử lý chất thải y tế; vận hành hệ thống chôn lấp chất thải hợp vệ sinh; xử lý chất thải nguy hại;

- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong du lịch tại khu du lịch Quốc gia Mộc Châu - Vân Hồ theo Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch Quốc gia mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*.

8. Các nhiệm vụ trọng tâm giải quyết trong các năm tới

- Bảo vệ môi trường đầu nguồn nước, xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm khu vực đầu nguồn nước, đặc biệt do ô nhiễm môi trường từ hoạt động chế biến cà phê, dong, sắn, chăn nuôi trên địa bàn huyện Thuận Châu, Mai Sơn, thành phố Sơn La. Phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh, kiên quyết xử lý triệt để đối với các cơ sở chế biến cà phê, dong, sắn, chăn nuôi.

- Duy trì hoạt động thường xuyên và có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã đầu tư đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để, không để các cơ sở này tái gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trở lại.

- Tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh nhằm nâng cao năng lực cảnh bảo, dự báo các vấn đề môi trường có thể phát sinh, kịp thời có biện pháp phòng, chống các sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường xảy ra.

- Chỉ đạo, triển khai bổ sung quy hoạch các bãi chôn lấp vùng nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung xử lý các vấn đề môi trường ở khu vực nông thôn: xây dựng bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xử lý và tiêu hủy bao gói hóa chất bảo vệ thực vật sau sảu dụng. Nghiên cứu, tổ chức thí điểm mô hình tự quản môi trường, xã hội hóa thu gom rác thải đối với một số xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Từng bước xã hội hóa trong thu gom rác thải khu vực nông thôn.

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch tại huyện Mộc Châu và Vân Hồ. Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn thuộc khu quy hoạch du lịch quốc gia Mộc Châu; xã đạt tiêu chí môi trường năm 2019.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các thủy điện, các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố. Tập trung vào các công tác an toàn đập, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, giám sát thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư.

- Chỉ đạo triển khai công tác hậu kiểm đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó tập chung vào các cơ sở chế biến cà phê, các nhà máy sắn, các cơ sở chăn nuôi tập trung, các cơ sở phát sinh chất thải lớn.

- Tăng cường hỗ trợ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chiếu sáng, cây xanh đô thị.

II. DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2020, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 3 NĂM 2020-2022

1. Dự kiến thu ngân sách mỗi năm từ 2020 - 2022

Tổng thu khoảng 10.300 triệu đồng, trong đó:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 300 triệu đồng.

- Phí bảo vệ môi trường khác 10.000 triệu đồng

2. Dự toán chi NSNN năm 2020, kế hoạch Tài chính ngân sách 3 năm 2020-2022

Tổng dự toán chi sự nghiệp môi trường 533.560 triệu đồng, trong đó:

2.1. Đề nghị nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ: 154.100 triệu đồng, gồm: Hỗ trợ kinh phí tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh; một số nhiệm vụ về biến đổi khí hậu, xử lý rác thải nhựa, phân loại chất thải rắn tại nguồn.

2.2. Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh:

Tổng dự toán kinh phí: 375.060 triệu đồng, chia ra các năm:

a) Năm 2020: 184.162 triệu đồng, trong đó, cấp tỉnh 176.382 triệu đồng, bao gồm: chi các nhiệm vụ chuyên môn 139.184 triệu đồng, chi các nhiệm vụ thường xuyên 4.041 triệu đồng, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường 3.157 triệu đồng, hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt 20.000 triệu đồng, dự phòng 10.000 triệu đồng; chi cấp huyện 7.780 triệu đồng.

b) Năm 2021: 112.788 triệu đồng, trong đó, cấp tỉnh 104.688 triệu đồng, bao gồm: chi các nhiệm vụ chuyên môn 70.112 triệu đồng, chi các nhiệm vụ thường xuyên 4.422 triệu đồng; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường 154 triệu đồng; hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải 20.000 triệu đồng; dự phòng 10.000 triệu đồng; chi cấp huyện 8.100 triệu đồng.

c) Năm 2022: 74.792 triệu đồng, trong đó, cấp tỉnh 66.862 triệu đồng, bao gồm: chi các nhiệm vụ chuyên môn 32.462 triệu đồng, chi các nhiệm vụ thường xuyên 4.246 triệu đồng; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường 154 triệu đồng; hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải 20.000 triệu; dự phòng: 10.000 triệu đồng; chi cấp huyện 7.930 triệu đồng.

(ghi chú: trong tổng dự toán còn 4.000 triệu nằm trong tổng dự toán 3 năm nhưng thực hiện trong năm 2023 và 2024; 400 triệu của 01 dự án đã hoàn thành và không sử dụng hết; 3.318 triệu của các dự án chuyển tiếp thực hiện giải ngân trong năm 2019)

(Nội dung chi tiết được thể hiện tại phụ lục 3: Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La 3 năm giai đoạn 2020-2022; phụ lục 4: Chi sự nghiệp môi trường cấp huyện 3 năm giai đoạn 2020-2022)

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; quy hoạch, kế hoạch dài hạn về bảo vệ môi trường của tỉnh; quy hoạch, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; định mức thu gom xử lý chất thải rắn; quy chuẩn kỹ thuật môi trường của tỉnh; phí bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các cấp, các ngành;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh: Các cơ sở khám chữa bệnh và điều trị; các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh đang xây dựng và đã vận hành; các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; các cơ sở chăn nuôi công nghiệp tập trung đang hoạt động; các bãi chôn lấp chất thải đang hoạt động; các cơ sở chế biến cà phê, dong riềng, sắn bằng phương pháp ướt; các cơ sở có phát sinh chất thải lớn, có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao...

- Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, bảo đảm các dự án trước khi đi vào hoạt động phải được xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh, Quỹ sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

2. Tăng cường quản lý đầu tư cho bảo vệ môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

- Xây dựng và ban hành quy định về phân bổ, quản lý, định mức chi sự nghiệp môi trường của tỉnh hàng năm và các nguồn thu phí bảo vệ môi trường sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường.

- Tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho một số nhiệm vụ, dự án trọng tâm về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, trong đó tập trung vào việc tổ chức thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào bảo vệ môi trường.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn: hỗ trợ của Trung ương, nguồn vốn của các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường; nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế tài chính phân bổ các nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường tỉnh để hỗ trợ đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện một số đề án, dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh tiến độ đầu tư các dự án thoát nước và xử lý nước thải tại thành phố Sơn La và thị trấn Mộc Châu; các dự án xử lý chất thải tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện; xây dựng các khu chôn lấp, thu gom, xử lý chất thải rắn tại các huyện, thành phố.

- Xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện các dự án: cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi chôn lấp chất thải rắn đã dừng hoạt động; cải tạo phục hồi môi trường và tiến hành đóng cửa mỏ các dự án khai thác khoáng sản đã dừng hoạt động; Đề án xử lý ô nhiễm môi trường đối với hoạt động chế biến cà phê;

- Xây dựng và thực hiện Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đầu nguồn nước, các ao, hồ, kênh, mương, tại các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường; các khu vực dân cư nông thôn bị trượt sát lở đất, lũ ống, lũ quét.

- Tổ chức triển khai thí điểm, lộ trình xã hội hóa công tác xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất thỏa đáng và quan tâm đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường

- Xác định các tổ chức, cá nhân có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, khu vực bị suy thoái, ô nhiễm, sự cố môi trường và nguồn gốc, mức độ, phạm vi ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường, từ đó tham mưu, đề xuất, kiến nghị và xử lý nghiêm minh mọi tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nắm tình hình và điều tra cơ bản toàn bộ các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên môi trường; phát hiện kịp thời các cơ sở xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Triển khai các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến tài nguyên và môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan có liên quan thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh; chủ trì tham mưu các chương trình, dự án, đề án bảo vệ môi trường; trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện lồng ghép bố trí các nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đảm bảo chặt chẽ, hợp lý và hài hòa yêu cầu bảo vệ môi trường với lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển của tỉnh trong thời gian tới; trong hoạt động xúc tiến đầu tư, cần chú ý ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với với các sở, ngành tham mưu cơ chế quản lý, phân bổ nguồn chi nghiệp môi trường tỉnh; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đảm bảo đúng quy định Luật ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với các ngành, các địa phương liên quan tới việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng, xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước khu vực đô thị; chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu, các công trình về xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư tập trung, các điểm tái định cư thủy điện Sơn La.

- Hướng dẫn, chỉ đạo đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, khu dịch vụ tập trung, khu, cụm công nghiệp.

- Phối hợp tham gia chủ trương đầu tư, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền.

5. Sở Y tế

- Chủ trì rà soát, tham mưu đầu tư các công trình bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực y tế như công trình xử lý nước thải y tế, rác thải y tế nguy hại tại các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện.

- Chỉ đạo các bệnh viện, các cơ sở y tế thu gom, xử lý nước thải và vận hành thường xuyên, đạt tiêu chuẩn môi trường, quy định kỹ thuật quốc gia về môi trường; bố trí thiết bị chuyên dụng để phân loại bệnh phẩm, rác thải y tế tại nguồn; xử lý, tiêu hủy bệnh phẩm, rác thải y tế, thuốc hết hạn sử dụng đảm bảo vệ sinh, tiêu chuẩn môi trường; các cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ.

- Chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn xử lý và tiêu hủy các chất thải trong hoạt động nông nghiệp như: dụng cụ, bao bì dựng phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; thức ăn chăn nuôi sau khi sử dụng; thức ăn thủy sản chăn nuôi hết hạn sử dụng hặc nằm ngoài danh mục cho phép được lưu hành tại Việt Nam; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh ao nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức hướng dẫn cho nhân dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định.

- Kiểm tra điều kiện của các tổ chức, cá nhân hoạt động buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đủ điều kiện, các cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không đủ điều kiện để nhân dân và chính quyền địa phương biết.

- Tham mưu, đề xuất kinh phí thực hiện tiêu chí số 17 về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung đến việc hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt của các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

7. Công an tỉnh

- Chỉ đạo lực lượng công an toàn tỉnh thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xâm phạm và hủy hoại tài nguyên môi trường; kiểm tra, sử lý các loại phương tiện cơ giới đã hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông, các phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên vật liệu, các loại chất thải không đúng quy định, làm rơi vãi trên đường gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất hoạt động dưới danh nghĩa làng nghề để gia công, sản xuất các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các cơ sở buôn bán và tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, các cơ sở sản xuất dong, sắn, cà phê trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm việc buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải,... vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác có ảnh hưởng tới môi trường, nhất là công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải và có biện pháp chế biến thành sản phẩm hữu ích phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với hoạt động trong cụm, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đồng thời có biện pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chợ và các khu thương mại.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc chấp hành công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở trong khu công nghiệp. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp; chỉ đạo thực hiện nghiêm nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường; nêu gương những tổ chức, cá nhân làm tốt công tác bảo vệ môi trường, đồng thời phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng, tập trung vào các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

- Cân đối kinh phí từ nguồn nông thôn mới và sự nghiệp môi trường, ưu tiên cho hoạt động hỗ trợ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt ở nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các xã phường, thị trấn hướng dẫn các tổ, làng, bản trên địa bàn xây dựng hương ước, quy ước gắn với bảo vệ môi trường. Tổ chức vận động, tuyên truyền, hướng dẫn xử lý rác thải sinh hoạt, bao bì hóa chất bảo vệ thực vật.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn cho nhân dân phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng tiêu chuẩn, hướng dẫn sử dụng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường cho các cơ quan doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện, thành phố.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Tăng mức phân bổ ngân sách Trung ương cho các địa phương để triển khai các dự án, chương trình bảo vệ môi trường như: xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; chất thải rắn; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cũng như các đối tượng công ích; tăng cường năng lực quan trắc môi trường địa phương

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát, báo cáo Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp giữa Luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và chỉ đạo triển khai kịp thời Đề án tăng cường năng lực quản lý môi trường các cấp.

- Ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn chi tiết việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương, tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao và các đô thị đông dân cư, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm cần được bảo vệ.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho các cán bộ làm công tác quản lý môi trường ở các địa phương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Lê Hồng Minh

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,7	44	44,5	44,5	45	46	48	
2	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	85	88	92	92	95	97	99	
3	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đô thị	%	92	92,5	93	93	93,2	95	97	
4	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0	100	0	0	100	100	
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	57,1	66,7	100	100	100	100	100	
6	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	87	88	90	90	91	92	95	
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100	100	
8	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn	%	0	0	100	0	100	100	100	

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2017-2019

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
	Năm 2017									
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**		**67253**	**24242**						
1	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**									
1.1	Đánh giá thực trạng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh	2016-2017	200				Chi cục thủy sản	Chưa được giao kinh phí		
1,2	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho một công trình cấp nước tập trung tại bản Pá Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	2016-2017	150				Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	Công trình đã được nghiệm thu, chưa được giao kinh phí		
0	Dự án quy hoạch các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	2013	472				Sở NNPTNT	100%		
1.3	Xây dựng 200 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	2016-2017	2000				Chi cục Bảo vệ thực vật	221,7		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1,4	Đánh giá xếp loại nguy cơ ô nhiễm môi trường trong chế biến, kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản	2016-2017	500				Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản	Chưa được giao kinh phí		
2	**Nhiệm vụ mở mới**									
2,1	Hỗ trợ thủ tục cấp phép khai thác nguồn nước và xả thải cho 16 công trình cấp nước tập trung	2016-2017	1500				Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	Chưa được giao kinh phí		
2,2	Quan trắc môi trường tỉnh năm 2017	2017	1700	800			Trung tâm QTTNMT	100%		
2,3	Thực hiện quan trắc chuyên đề	2017-2018	1100	500			Trung tâm QTTNMT	100%		
2.4	Điều tra, đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017	150	150			Sở Công thương			
2.5	Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.	2017	400	400			Sở Công thương			
2,6	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Sơn La	2017	1000	450			Trung tâm QTTNMT	100%		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2,7	Nhiệm vụ điều tra đánh giá nguồn phổ cập nước dưới đất, hiệntrạng ô nhiễm và xả thải vào nguồn nước khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước hang Tát Tòng	2016-2017	2500				Sở TNMT			
B	**Nhiệm vụ thường xuyên**									
1	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**									
1,1	Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020	2016-2020	4200				Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản	Chưa được giao kinh phí thực hiện		
1,2	Hỗ trợ trang thông tin điện tử và môi trường	2017	650	350			Sở TTTT; Trung tâm công nghệ TT TNMT	Chưa được giao kinh phí thực hiện		
	Sở Thông tin và truyền thông	2017	50	50				Chưa được giao kinh phí thực hiện		
	Trung tâm công nghệ TT Tài nguyên và Môi trường	2017	600	300				Chưa được giao kinh phí thực hiện		
1,3	Điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh	2017	500	500			Chi cục BVMT			
1,4	Chi hoạt động thường xuyên về quản lý về bảo vệ môi trường	2016-2017	4000	2000			Chi cục BVMT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2	**Nhiệm vụ mở mới**									
2,1	Chi sự nghiệp môi trường cho cấp xã, cấp huyện, thành phố	2017	38241	16792			Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%		
2,2	Phối hợp với các sở, ngành UBND huyện, thành phố các tổ chức đoàn thể, cơ quan tuyên truyền: Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh	2017	2940	450			Sở Tài nguyên và Môi trường	100%		
2.3	Chi phí vật tư, thiết bị và công nhân phân tích mẫu phục vụ các đoàn thanh kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh	2017	200				Trung tâm QTTNMT			
C	**Hỗ trợ quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm môi trường**		209812	47620						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
1.1	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tếbệnh viện đa khoa Yên Châu	2016-2017	7331	3041			Sở TNMT			
1.2	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện đa khoa Sông Mã	2016-2017	12800				Sở TNMT			
1,3	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế bệnh viện Tâm Thần tỉnh	2016-2017	5421	6190			Sở TNMT			
1,4	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải vàrác thải Bệnh viện Phong và Da Liễu	2016-2017	7301	3389			Sở TNMT			
1.5	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm chất thải khu vực công ích		1960	1260						
1.5.1	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Sốp Cộp	2017	150				Bệnh viện ĐK Sốp Cộp			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.5.2	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mường La	2017	75				BVĐK Mường La			
1.5.3	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	2017	150				BVĐK Mai Sơn			
1.5.4	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Phù Yên	2017	150				BVĐK Phù Yên			
1.5.5	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Bắc Yên	2017	150				BVĐK Bắc Yên			
1.5.6	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	2017	75				BVĐK Thuận Châu			
1.5.7	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Tỉnh	2017	300				BVĐK tỉnh			
1.5.8	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	2017	150				BVĐK Quỳnh Nhai			
1.5.9	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Phục hồi chức năng	2017	150				BV phục hồi chức năng			
1.5.10	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Y học cổ truyền	2017	150				BV YDCT			
1.5.11	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2017	150				BV lao và bệnh phổi			
1.5.12	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Trung tâm GD Lao động tỉnh	2017	150				TT GDLĐ tỉnh			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.5.13	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Trung tâm Bảo trợ xã hội	2017	60				Trung tâm bảo trợ xã hội			
1.5.14	Hỗ trợ kinh phí vận hành, thu gom, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại Trung tâm Phục hồi chức năng	2017	100				Sở Lao động Thương binh và Xã hội			
1.5.15	Hỗ trợ kinh phí vận hành, thu gom, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại Trung tâm Bảo trợ xã hội	2017	60				Sở Lao động Thương binh và Xã hội			
1.6	Xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác Bản Khoang, xã Chiềng Ngần, TP Sơn La bằng công nghệ Lò đốt rác	2017	5000				Sở TNMT			
1.7	Dự án xử lý chất thải nguy hại tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017-2020	100000				Sở TNMT			
1.8	Hỗ trợ thu gom xử lý rác cho công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Sơn La	2017	70000	35000			công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Sơn La			
	Tổng cộng (thực hiện năm 2017)			**91954**						
	Năm 2018									
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**		**17,482**		**5107**					
1	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**									

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1,1	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho một công trình cấp nước tập trung tại bản Pá Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	2016-2017	150		150		Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	Công trình đã được nghiệm thu, chưa được giao kinh phí		
1,2	Xây dựng 200 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	2016-2017	221,7		221,7		Chi cục Bảo vệ thực vật			
1.3	Điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh	2018	500				Chi cục BVMT			
2	**Nhiệm vụ mới**									
2.1	Xây dựng vườn ươm giống cây bản địa quý hiếm và cây có giá trị kinh tế phục vụ công tác trồng rừng tại các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	3000				Chi cục kiểm lâm			
2.2	Quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh	2018	753		753		Chi cục Trồng trọt và BVTV			
2.3	Tuyên truyền tập huấn	2018	507,6		507,6		Chi cục Trồng trọt và BVTV			
2.4	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH giai đoạn 2020-2030 tầm nhìn 2050 tỉnh Sơn La	2018	1000		150		Sở TNMT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2,5	Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La	2018	400		60		Sở TNMT			
1,6	Xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH tỉnh Sơn La	2018	200		15		Sở TNMT			
1,7	Lập Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cho các nhóm dễ bị tổn thương (dân tộc thiểu số) bởi BĐKH nhằm chủ động ứng phóhiệu quả với BĐKH. Thực hiện thí điểm hỗ trợ phátriển cho một số nhóm dễ bị tổn thương để thích ứng tốt với BĐKH	2018	500				Sở TNMT			
1,8	Khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đấttrên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	3500		1000		Sở TNMT			
1,9	Xây dựng phần mềm quan trắc và chuyển giao công nghệ	2018	500				Sở TNMT			
1,1	Quy hoạch tài nguyên nước (nội dung phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra) tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	2018	2990		1500		Sở TNMT			
1,11	Dự án quy hoạch quản lýchất thải y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm 2018-2020, định hướng đến năm 2025	2018	1600		300		Sở TNMT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1,12	Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường đối với chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017	135		135		Sở Công thương			
1,13	Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.	2018-2019	525		525		Sở Công thương			
1.12	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Sơn La	2018	1000		300		Trung tâm QTTNMT			
B	Nhiệm vụ thường xuyên		15980		13690					
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp		600		80					
1,1	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường	2018	150		50		Sở TNMT			
1.2	Chi hoạt động thường xuyên về quản lý bảo vệ môi trường	2018	450		30		Chi cục BVMT			
2	Nhiệm vụ mở mới									
2,1	Phối hợp với các sở, ngành UBND huyện, thành phố các tổ chức đoàn thể, cơ quan tuyên truyền: Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh	2018	2550		780		Sở TNMT			
2.1.1	Tuyên truyền pháp luật về BVMT	2018	800		300		Sở TNMT			
2.1.2	Tuyên truyền pháp luật về BVMT	2018	40				Sở TTTT			
2.1.3	Đưa tin bài tuyên truyền	2018	700				Sở TTTT			
2.1.4	Tuyên truyền BVMT trong lĩnh vực Khoa học công nghệ	2018	100				Sở KHCN			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.1.5	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường tại cáckhu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	125		125		Sở Văn hóa-Thể thao - Du lịch			
2.1.6	Tuyên truyền các biện pháp kiểm soát môi trường và biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản	2018					Chi cục Thủy sản			
2.1.7	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	205				Bộ CHQS tỉnh			
2.1.8	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	80				Hội nông dân			
2.1.9	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	145				Hội CCB			
2.1.10	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	50		50		Ban tuyên giáo			
2.1.11	Tổ chức tuyên truyền bảo vệ môi trường cho đồng bào dân tộc thiểu số	2018	60		60		Ban dân tộc			
2.1.12	Hỗ trợ bảo vệ môi trường, xây dựng mô hình tự quản môi trường cho các hộ dân tái định cư	2018	200				BQLDA TĐC TĐ Sla			
2.1.13	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các công trình thi công xây dựng đường giao thông	2018	200				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.1.14	Phổ biến tuyên truyền, giáo dục cho học sinh về bảo vệ môi trường	2018	45		45		Sở GDĐT			
2.1.15	Tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường; xây dựng môhình lò đốt rác do đoàn thanh niên quản lý; mô hình thanh niên thu gom rác thải	2018	200		200		Tỉnh đoàn			
2,2	Chi sự nghiệp môi trường cho cấp xã, cấp huyện, thành phố	2018	11200		11200		UBND các huyện, thành phố			
2,3	Quan trắc môi trường tỉnh năm 2018	2018	1500		800		Trung tâm QTTNMT			
2,4	Hỗ trợ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	830		830		Công an tỉnh			
C	Hỗ trợ quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm môi trường		41271		13603					
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp		37119		10451					
1,1	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải vàrác thải Bệnh viện Phong và Da Liễu	2017	7301		3911		Sở TNMT			
1,2	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện đa khoa Sông Mã	2018-2019	9935		3000		Sở TNMT			
1,3	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tếbệnh viện đa khoa Yên Châu	2017	7331		3500		Sở TNMT			
1,4	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế bệnh viện Tâm Thần tỉnh	2017-2018	5421				Sở TNMT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1,5	Thiết kế, gia công lò đốt xử lý rác thải rắn cho cơ quan đơn vị	2018	250				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La			
1,6	Khắc phục ô nhiễm kho K4, kho xăng dầu. bãi xử lý đạn dược cấp 5	2018	100				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La			
1.7	Hỗ trợ trang thiết bị phụcvụ môi trường tại các khu điểm du lịch	2018	40		40		Sở Văn hóa			
1,8	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm chất thải khu vực công ích		6471							
1.8.1	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Sốp Cộp	2018	259,2				Bệnh viện ĐK Sốp Cộp			
1.8.2	Quản lý vận hành. xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mường La	2018	390				BVĐK Mường La			
1.8.3	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	2018	309.7				BVĐK Mai Sơn			
1.8.4	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Phù Yên	2018	660				BVĐK Phù Yên			
1.8.5	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Bắc Yên	2018	309.7				BVĐK Bắc Yên			
.1.8.6	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	2018	278,8				BVĐK Thuận Châu			
1.8.7	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Tỉnh	2018	1515,9				BVĐK tỉnh			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.8.8	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	2018	288,8				BVĐK Quỳnh Nhai			
1.8.9	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Phục hồi chức năng	2018	266				BV phục hồi chức năng			
1.8.10	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Y học cổ truyền	2018	397,8				BV YDCT			
1.8.11	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2018	266				BV lao và bệnh phổi			
1.8.12	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện nội tiết	2018	50				Bệnh viện nội tiết			
1.8.13	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện phong và da liễu	2018	245,9				Bệnh viện Phong và da liễu			
1.8.14	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Tâm thần	2018	173				Bệnh viện tâm thần			
1.8.15	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện mắt	2018	82,4				Bệnh viện mắt			
1.8.16	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Sông Mã	2018	300				Bệnh viện Sông Mã			
1.8.17	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Yên Châu	2018	215				Bệnh viện Yên Châu			
1.8.18	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Thảo nguyên	2018	385,1				Bệnh viện Thảo nguyên			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.8.19	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Mộc Châu	2018	430				Bệnh viện Mộc Châu			
2	**Nhiệm vụ mới**									
2,1	Dự án xử lý chất thải nguy hại tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017-2020	100		100		Sở TNMT			
2,2	Phương án cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	2018	4052		3052		Sở Xây dựng			
D	**Dự phòng**		**50000**		**23316**					
1	Khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường	2018	15000							
2	Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	2018	35000		23316		UBND các huyện, thành phố			
	Tổng cộng (thực hiện năm 2018)				**55716**					
	Năm 2019									
A	Nhiệm vụ chuyên môn									
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
1.1	Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.	2019	525				Sở Công thương			
1.2	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Sơn La	2019	1150			200	Sở TNMT			NS trung ương hỗ trợ 1 tỷ

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1,3	Xây dựng KH thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH của tỉnh Sơn La	2019	2030			30	Sở TNMT			NS trung ương hỗ trợ 200 triệu
1,4	Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La	2019	460			70	Sở TNMT			NS trung ương hỗ trợ 400 triệu
2	**Nhiệm vụ mở mới**									
2,1	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV tại vùng sản xuất tập trung	2019	1000			1900	Chi cục trồng trọt BVTV			
2,2	Xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	2019	1500			750	Chi cục BVMT			Sở NNPTNT thực hiện
2,3	Quan trắc môi trường tỉnh năm 2019	2019	3165			800	TT Quan trắc TNMT			
2,4	Xây dựng mô hình tự quản về bảo vệ môi trường, xã hội hóa thu gom rác thải trong xây dựng nông thôn mới dựa trên đội thanh niên tình nguyện và cộng đồng	2019	1126				Tỉnh đoàn			
2,5	nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn đối với nước thải hoạt động chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La	2019	350				Sở NNPTNT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2,6	Điều tra, thống kê toàn bộ nguồn thải trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2019	2019	800			500	Sở TNMT			
B	**Nhiệm vụ thường xuyên**									
1	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**									
2	Nhiệm vụ mở mới									
2,1	Chi hoạt động thường xuyên về quản lý bảo vệ môi trường	2019	252			252	Chi cục BVMT			
2,2	Đề án phân loại rác thải tại nguồn tại thành phố Sơn La	2019-2022	9600			500	Sở TNMT			
2,3	Tuyên truyền bảo vệ môi trường	2019	600			600	Sở TNMT			
2,4	Tuyên truyền pháp luật về BVMT cho học sinh	2019	88				Sở GĐĐT			
2,5	Tuyên truyền bảo vệ môi trường	2019	53				Ban dân tộc			
2,6	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2019	66				Ban tuyên giáo			
2,7	Tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường	2019	50				Tỉnh đoàn			
2,8	Tổ chức hội nghị tập huấn về công tác bảo vệ môi trường	2019	71				Sở VHTTDL			
2,9	Triển khai công tác bảo vệ môi trường ngành công thương và hưởng ứng các ngày thế giới về môi trường	2019	25				Sở Công thương			
2,1	Chi sự nghiệp môi trường cho cấp xã, cấp huyện, thành phố	2019	22050				UBND các huyện, thành phố			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
C	**Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng**									
1	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**									
1,1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải lỏng bệnh viện Đa khoa Huyện Sông Mã	2018-2019	9335			6935	Sở TNMT			
1,2	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn bệnh viện Phong và da liễu	2018-2019	7301			3390	Sở TNMT			
1,3	Dự án xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu	2018-2019	7331			1121	Sở TNMT			
1.4	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn bệnh viện Tâm thần	2018-2019	5421				Sở TNMT			Đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa giao bổ sung kinh phí
2	**Nhiệm vụ mở mới**									
2.1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	2019	5033.4				Sở TNMT			
2.2	Đầu tư mua sắm lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2019	3000				BV đa khoa tỉnh Sơn La			
2,3	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn bệnh viện đa khoa Mường La	2019	5406				Sở Y tế			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2,4	Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt, cây xanh và chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	2019	120000				UBND các huyện, thành phố			
D	**Dự phòng**		12000							
	Tổng cộng (ước thực hiện năm 2019)					17048				

Phụ lục 3

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2020-2022

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
A	**Nhiệm vụ chuyên môn**						401.158	1.300	139.184	70.112	32.462	
I	**Nhiệm vụ chuyển tiếp**						43.072	1.300	10.672	3.000	1.500	
1	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Sơn La	Công văn số 489/UBND-KT ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh	Xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ nhằm ứng phó với BĐKH	Kế hoạch được duyệt	Sở TNMT		1.300	200	100			Trong đó NSTW 1000 triệu; NSĐP 300 triệu (NSTW đã cấp 300 triệu năm 2019)
2	Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La	Công văn số 489/UBND-KT ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh	Đánh giá khí hậu tỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp để ứng phó với BĐKH	Báo cáo đánh giá	Sở TNMT		515	70	45			Trong đó NSTW 400 triệu, NSĐP 115 triệu (NQTW đã cấp 200 triệu năm 2019)
3	Điều tra, thống kê toàn bộ nguồn thải trên địa bàn tỉnh Sơn La	Nghị định 38/NĐ-CP	Điều tra, thống kê các nguồn thải, đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Báo cáo điều tra, thống kê	Sở TNMT	2.019	500	500				

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
4	Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La giai đoạn 2020-2022 và triển khai thực hiện dự án	Nghị định 38/NĐ-CP	Xây dựng đề án, thực hiện các giải pháp xử lý rác tại thành phố	Đề án; triển khai thực hiện đề án	Sở TNMT		40.000	500	10.000	3.000	1.500	Đề nghị Trung ương hỗ trợ 25000 triệu
5	Xây dựng KH thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH của tỉnh Sơn La	theo công văn số 489/UBND-KT ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh	Xây dựng kế hoạch thực hiện các thỏa thuận Paris	Kế hoạch được duyệt	Sở TNMT		250	30	20			Trong đó NSTW 200 triệu; NSĐP 50 triệu)
6	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho một công trình cấp nước tập trung tại bản Pá Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho công trình cấp nước	Công trình hoàn thành	Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	2016-2017	150		150			Công trình đã được nghiệm thu nhưng chưa được giao kinh phí
7	Nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn đối với nước thải hoạt động chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La		Thiết kế bản vẽ bể yếm khí; tái sử dụng làm phân bón: xây dựng 5 mô hình thí điểm: thử nghiệm tưới trên cây trồng	Báo cáo	Sở NNPTNT	2019-2020	357		357			
II	**Nhiệm vụ mở mới**						**358.086**		**128.512**	**67.112**	**30.962**	
1	Lập báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm (2015-2020)	Điều 137 Luật BVMT	Đánh giá hiện trạng MT 5 năm, đề xuất giải pháp	BC được phê duyệt	Sở TNMT	2.020	2.000		2.000			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
2	Dự án tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh	CV 2926/BTNMT-KHTC	Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tỉnh	Đầu tư thiết bị; xây dựng các trạm quan trắc	Sở TNMT	2020-2022	150.000		10.000	20.000	15.000	Đề nghị trung ương hỗ trợ 105000 triệu; NSĐP 45000
3	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Mường La	Nghị định 38/2015/NĐ-Cp về quản lý chất thải và phế liệu	Đầu tư XD mới bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh, có thời gian sử dụng đến năm 2035 để thay thế cho bãi chôn lấp rác hiện tại	Xây dựng bãi thải; các công trình xử lý nước, khí thải phát sinh từ bãi thải	Sở TNMT	2020-2021	21.500		15.000	6.500		
4	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Mộc Châu	Nghị định 38/2015/NĐ-Cp về quản lý chất thải và phế liệu	Đầu tư XD mới bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh, có thời gian sử dụng đến năm 2035 để thay thế cho bãi chôn lấp rác hiện tại	Xây dựng bãi thải; các công trình xử lý nước, khí thải phát sinh từ bãi thải	Sở TNMT	2020-2021	39.000		25.000	14.000		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
5	Đầu tư xây lắp các điểm tập kết rác thông minh đặt ngầm tại khu vực nội thị thành phố Sơn La	Nghị định 38/2015/NĐ-Cp về quản lý chất thải và phế liệu	Hạ ngầm các điểm tập kết chung chuyển rác khu vực nội thị thành phố Sơn La để giải phóng lòng đường vỉa hè, ngăn chặn ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường và cảnh quan đô thị	Đầu tư xây lắp các điểm tập kết rác thông minh đặt ngầm tại khu vực nội thị thành phố Sơn La	Sở TNMT	2020-2022	7.200		1.200	3.000	3.000	
6	Cải tạo nâng cấp trạm xử lý nước thải rỉ rác áp dụng công nghệ Oxy hóa nâng cao tại Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	Điểm K khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải rỉ rác của Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La áp dụng công nghệ Oxy hóa nâng cao nhằm đáp ứng tiêu chuẩn xả thải vào môi trường tự nhiên	Đầu tư cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải rỉ rác tại Khu xử lý chất thải rắn TP Sơn La	Sở TNMT	2020-2021	8.000		6.800	1.200		
7	Hỗ trợ xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Quyết định 3391/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh	Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	Tiêu hủy 10 tấn bao gói thuốc BVTV	Chi cục Trồng trọt và BVTV	2.020	1.000		1.000			
8	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Quyết định 3391/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	300 bể chứa bao gói thuốc BVTV	Chi cục Trồng trọt và BVTV	2.020	1.000		1.000			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
				sau sử dụng								
9	Đánh giá tác động đến môi trường của chất thải nguy hại trong hoạt động xây dựng và sản xuất của các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điểm đ khoản 2 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Đánh giá tác động đến môi trường của chất thải nguy hại trong hoạt động xây dựng, sản xuất của các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Báo cáo đánh giá	Sở Công thương	2020-2022	500		200	200	100	
10	Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng xảy ra sự cố môi trường	Điểm đ khoản 2 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng xảy ra sự cố môi trường	Báo cáo điều tra	Sở Công thương	2.022	150				150	
11	Dự án xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền ứng phó với biến đổi khí hậu chuẩn cho các thành phần: Công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư	Quyết định 672/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức ứng phó biến đổi khí hậu	Bộ tài liệu tuyên truyền	Sở TNMT	2.020	500		500			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
12	Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách về biến đổi khí hậu; Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến BĐKH	Quyết định 672/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	Tăng cường, nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách về BĐKH	Đề án được duyệt; bộ cơ sở dữ liệu về BĐKH	Sở TNMT	2020-2022	2.000		500			Đề nghị trung ương hỗ trợ 1500 triệu
13	Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cho các nhóm dễ bị tổn thương (dân tộc thiểu số) bởi BĐKH nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH. Thực hiện thí điểm hỗ trợ phát triển cho một số nhóm dễ bị tổn thương để thích ứng với BĐKH	Quyết định 672/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển; thực hiện thí điểm đề án	Đề án được duyệt, mô hình thí điểm	Sở TNMT	2020-2022	4.000		1.000			Đề nghị trung ương hỗ trợ 3000 triệu
14	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải trên địa bàn tỉnh	Điều 133 Luật BVMT	Cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu về nguồn thải; Đầu tư trang thiết bị, nhân lực để quản lý, khai thác, vận hành, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia	Đề án được duyệt	Sở TNMT	2.020	5.000		2.000	2.000	1.000	
15	Nhiệm vụ điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai xâm hại	Điều 50 Luật Đa dạng sinh học	Điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai, đề xuất giải pháp kiểm soát sự lây lan, phát triển của sinh vật ngoại lai	Đề án được duyệt	Sở TNMT	2.020	2.000		2.000			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
16	Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý CTR sinh hoạt vùng nông thôn	Nghị định 38/2015/NĐ-Cp về quản lý chất thải và phế liệu	Khảo sát, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý CTR sinh hoạt vùng nông thôn	Đề án được duyệt	Sở TNMT	2.020	2.000		2.000			
17	Quan trắc các điểm nước mặt khu vực đầu nguồn nước vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	Điều 123 Luật BVMT	đo đạc, phân tích, đánh giá chất lượng môi trường nước cấp, đề xuất giải pháp	BC được duyệt	Trung tâm QTTNMT	2020-2022	1.038		346	346	346	
18	Đào tạo, tăng cường năng lực quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	Mục thứ tự 6 mục V danh mục các dự án ưu tiên bảo tồn của Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 17/6/2014 của HĐND tỉnh	Nâng cao năng lực quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học cho các khu bảo tồn và cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học	Hội nghị tập huấn; đầu tư trang thiết bị phục vụ quản lý	Sở TNMT	2.020	1.200		1.200			
19	Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường các cấp về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 7/5/2018	Đào tạo, tập huấn về quản lý chất thải rắn; Đầu tư mua trang thiết bị phục vụ công tác quản lý	Hội nghị tập huấn; đầu tư trang thiết bị phục vụ quản lý	Sở TNMT	2020-2022	5.000		2.000	2.000	1.000	
20	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	Mục 1.5 phần thứ 2 của Công văn số 2696/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019	Điều tra bổ sung các cơ sở dữ liệu; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	Hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường và đa dạng sinh học	Sở TNMT	2020-2024	10.000		2.000	2.000	2.000	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
21	Điều tra, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu các hồ chứa, các thủy vực và phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên ở tỉnh Sơn La	Mục thứ tự 3 mục V danh mục các dự án ưu tiên bảo tồn của Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 17/6/2014 của HĐND tỉnh	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tại các hồ chứa, thủy vực và phân cấp khu bảo tồn nước ngọt trên địa bàn tỉnh	Đề án được duyệt	Sở TNMT	2.020	1.000		1.000			
22	Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với công trình khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La phục vụ quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước (Giai đoạn 1: Áp dụng đối với các hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ)	Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	- Đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ các cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước với cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.	Hệ thống giám sát, khai thác sử dụng tài nguyên nước	Sở TNMT	2019-2022	8.700		4.700	2.000	2.000	
23	Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ chứa và đề xuất xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về khai thác, kiểm soát quản lý, kiểm soát khai thác cát sỏi lòng sông	Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010	Định hướng chung cho hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông; Xây dựng được hướng dẫn cụ thể về yêu cầu kỹ thuật khai thác cát sỏi		Sở TNMT	2019-2022	8.600		4.600	2.000	2.000	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
24	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	Nghị quyết số 27/2009/NQ-CP ngày 12/6/2009; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Điều tra, thống kê các cơ sở gây ô nhiễm; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt và đề xuất các giải pháp; Đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La; lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	BC điều tra, lập bản đồ phân vùng	Sở TNMT	2019-2022	7.500		3.500	2.000	2.000	
25	Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường vùng lưu vực hồ chứa và hạ du các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điều 47, 53, 60 Luật Tài nguyên nước năm 2012.	Đánh giá tác động của nhà máy; Xây dựng phương án phối hợp vận hành giữa các nhà máy; Khuyến nghị các phương pháp tính giá trị, hình thức công trình duy trì dòng chảy tối thiểu cho các dự án thủy điện đã xây dựng, vận hành	Dự án được phê duyệt	Sở TNMT	2020-2022	3.500		2.000	1.000	500	
26	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thông tư số 07/2016/TT-BTNMT; Thông tư số 32/2018/TT-BTNTM; Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cung cấp số liệu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La; Cơ sở dữ liệu Khí tượng thủy văn phục vụ cho công tác đánh giá, giám	Bộ cơ sở dữ liệu	Sở TNMT	2021-2023	3.500			2.000	1.500	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
			sát và ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.									
26	Thành lập đội hình thanh niên tình nguyện thu gom rác thải tại các xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng lò đốt rác cộng đồng	điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Thanh lập đội tình nguyện thu gom rác và xây dựng lò đốt rác. xe đẩy rác tại các xã nông thôn mới	90 xe đẩy rác, 60 lò đốt rác	Tỉnh đoàn	2020-2022	1.098		366	366	366	
27	Khảo sát hiện trạng, khắc phục ô nhiễm tại các bãi rác, ao hồ và nơi công cộng trên địa bàn tỉnh bằng chế phẩm sinh học. vôi bột và thuốc diệt côn trùng		Khắc phục ô nhiễm các bãi rác, ao hồ và nơi công cộng	Hoạt động khắc phục ô nhiễm tại các bãi rác, ao hồ. nơi công cộng	Sở TNMT	2.020	19.600		19.600			
28	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Quỳnh Nhai	Nghị định 38/2015/NĐ-Cp về quản lý chất thải và phế liệu	Đầu tư XD mới bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh, có thời gian sử dụng đến năm 2035 để thay thế cho bãi chôn lấp rác hiện tại	Xây dựng bãi thải; các công trình xử lý nước, khí thải phát sinh	Sở TNMT	2020-2021	21.500		15.000	6.500		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
				từ bãi thải								
29	Xử lý rác thải nhựa tại thành phố Sơn La và huyện Mộc Châu	QĐ 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni long khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020; 5539/BTNMT-TCMT ngày 10/10/2018 của Bộ TNMT về việc phát động phong trào "Chống rác thải nhựa"	Thực hiện tuyên truyền, xây dựng mô hình thí điểm xử lý rác thải nhựa tại thành phố Sơn La và huyện Mộc Châu	Tuyên truyền. xây dựng 2 hệ thống xử lý rác thải nhựa	Sở TNMT	2.020	20.000		2.000			Đề nghị trung ương hỗ trợ 18000 triệu
B	Nhiệm vụ thường xuyên						12.709		4.041	4.422	4.246	
1	Quan trắc chất lượng môi trường năm 2020	Điều 123 Luật BVMT	Đánh giá chất lượng môi trường tỉnh	BC được phê duyệt	Trung tâm QTTNMT	2020-2022	4.392		1.464	1.464	1.464	
2	Hỗ trợ công tác thanh tra. kiểm tra về BVMT, kiểm tra xác nhận công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: hậu kiểm ĐTM, kiểm soát ô nhiễm môi trường	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Thanh tra. kiểm tra về môi trường: kiểm tra xác nhận công trình BVMT	Kết luận thanh tra, kiểm tra, giấy xác nhận hoàn thành công	Sở TNMT	2020-2022	1.200		400	400	400	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
				trình BVMT...								
3	Kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và trong bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật BVMT đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	BC kết quả kiểm tra	Sở Công thương	2020-2022	100			50	50	
4	Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Công thương	2.022	50				50	
5	Hỗ trợ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật BVMT đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	Kết quả phân tích chất lượng môi trường	Trung tâm QTTNMT	2020-2022	318		106	106	106	
6	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT											

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
6.1	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	điểm l khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT tới doanh nghiệp, người dân	Hội nghị tuyên truyền, tin bài trên báo, đài	Sở TNMT	2020-2022	2.400		800	800	800	
6.2	Đào tạo tập huấn về môi trường	điểm l khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Phổ biến quy định, văn bản mới về BVMT	Hội nghị tập huấn	Sở TNMT	2020-2022	600		200	200	200	
6.3	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	điểm l khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT tới các cơ sở trong KCN, hưởng ứng các ngày lễ về MT	Hội nghị tuyên truyền, treo băng rôn, khẩu hiệu	BQL các KCN tỉnh	2020-2022	135		45	45	45	
6.4	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	điểm l khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền pháp luật về BVMT trong lĩnh vực KHCN	ấn phẩm tuyên truyền về BVMT trong lĩnh vực KHCN	Sở KHCN	2020-2022	369		123	123	123	
6.5	Thực hiện các nhiệm vụ về giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy tại các Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh Sơn La	điểm l khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Giảm sử dụng túi nilon	tuyên truyền, phát hành sổ tay, xây dựng mô hình thí điểm	Sở Công thương	2020-2022	550		150	200	200	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
6.6	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường cho cán bộ quản lý môi trường, lãnh đạo các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	Hội nghị tuyên truyền	Sở Công thương	2020-2021	110		55	55		
6.7	Tuyên truyền giáo dục về BVMT	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền giáo dục về BVMT tại 43 trường học trực thuộc	băng rôn, hoạt động ngoại khóa	Sở Giáo dục đào tạo	2020-2022	129		43	43	43	
6.8	Tập huấn bảo vệ môi trường cho cán bộ đoàn	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tập huấn bảo vệ môi trường cho cán bộ đoàn	Hội nghị	Tỉnh đoàn	2020-2022	156		52	52	52	
6.9	Tổ chức hoạt động truyền thông chống rác thải nhựa	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền phòng chống rác thải nhựa	Hoạt động tuyên truyền	Tỉnh đoàn	2020-2022	300		100	100	100	
6.10	Tuyên truyền, vận động, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Đăng tải bản tin, bài viết, tờ rơi... về BVMT	Bài viết, bản tin	Ban Tuyên giáo	2020-2022	150		50	50	50	
6.11	Tuyên truyền về bảo vệ môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, treo pano, biển báo... về môi trường	Lễ ra quân diễu hành, pa nô, biển báo	Sở Văn hóa TTDL	2020-2022	1.750		453	734	563	
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng						5.883	2.018	3.157	154	154	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp											

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
I	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La	1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ	xử lý triệt để ONMTNT, xây dựng HTXL nước thải của BV	HTXL nước thải y tế	Sở TNMT	2018-2019	5.421	2.018	3.003	0	0	Đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa giao bổ sung kinh phí
II	Nhiệm vụ mở mới											
1	Hỗ trợ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn	điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	hỗ trợ hoạt động xử lý nước thải, chất thải của cơ sở	hỗ trợ kinh phí	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	2020-2022	462		154	154	154	
D	Hỗ trợ thu gom, xử lý rác, cây xanh, chiếu sáng đô thị						60.000		20.000	20.000	20.000	
	Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt, cây xanh và chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	Điểm 2 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt, cây xanh và chiếu sáng trên địa bàn tỉnh		UBND các huyện, thành phố	2020-2022	60.000		20.000	20.000	20.000	
E	Khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường và các nhiệm vụ đột xuất						30.000		10.000	10.000	10.000	
	Tổng (A+B+C+D+E)						509.750	3.318	176.382	104.688	66.862	

Phụ lục 4

CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Dự kiến sản phẩm	Tổng kinh phí đề xuất	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Huyện Mai Sơn	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ thu gom rác thải các xã, thị trấn; Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT: Hợp đồng 01 lao động hỗ trợ công tác tài nguyên và môi trường cấp huyện; xác nhận bản cam kết BVMT.		29920	700	740	820	
2	Huyện Yên Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ thu gom. vận chuyển, xử lý rác thải. mua sắm thiết bị thu gom rác tại các xã; tuyên truyền. phổ biến giáo dục, hỗ trợ công tác thanh tra. kiểm tra. thẩm định về môi trường		4600	640	720	800	
3	Huyện Quỳnh Nhai	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ thu gom. vận chuyển. xử lý rác thải. mua sắm thiết bị thu gom rác tại các xã; tuyên truyền, phổ biến giáo dục, thẩm định về môi trường; hợp đồng lao động hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã: hỗ trợ công tác thanh tra. kiểm tra về bảo vệ môi trường		3710	650	750	800	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Dự kiến sản phẩm	Tổng kinh phí đề xuất	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
4	Huyện Sốp Cộp	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở các trường học, khu dân cư và nơi công cộng; duy trì hệ thống thoát nước đô thị; thực hiện ra quân hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới; lắp biển hiệu tuyên truyền		15304	650	720	780	
5	Huyện Sông Mã	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	thực hiện ra quân hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới; tuyên truyền pháp luật về BVMT; lắp biển hiệu tuyên truyền; hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT, xác nhận KHBVMT; hỗ trợ thiết bị thu gom rác tại khu vực nông thôn, trường học bán trú; ứng phó sự cố môi trường		7060	700	730	820	
6	Huyện Vân Hồ	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tập huấn các văn bản về môi trường; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường 4 bãi rác tại các xã Chiềng Yên. Lóng Luông, Tô Múa. Chiềng Khoa; hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra về môi trường; xây dựng mô hình BVMT tại các điểm du lịch cộng đồng		3005	770	820	850	
7	Huyện Thuận Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho cán bộ cấp xã		5560	600	650	750	

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Dự kiến sản phẩm	Tổng kinh phí đề xuất	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
8	Huyện Mường La	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xác nhận Kế hoạch BVMT.		5545	700	720	810	
9	Huyện Mộc Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, mua sắm thiết bị thu gom rác tại các xã; tuyên truyền, phổ biến giáo dục; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường		970	670			
10	Huyện Bắc Yên	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã; hỗ trợ trang thiết bị thu gom vận chuyển rác thải; phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; Hỗ trợ hậu kiểm, thanh tra kiểm tra về môi trường		1050	300	700	50	
11	Thành phố Sơn La		Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT		53370	800	800	800	
12	Huyện Phù Yên	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tập huấn về MT; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác tại các trường học, nơi công cộng;		2000	600	750	650	
	TỔNG				132.094	7.780	8.100	7.930	

Ghi chú: Tuỳ theo khả năng ngân sách và thực tế, UBND các huyện, thành phố phải cụ thể theo Thông tư 02/2017/TT-BTC. Các nhiệm vụ hỗ trợ thu gom xử lý rác thải được giao tại phụ lục 3